

Bản án số: 45/2023/HS-ST
Ngày: 24 - 8 - 2023.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lưu Xuân Vĩnh.
- Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023 tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2023/TLST - HS, ngày 20 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐXXST - HS, ngày 11 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Thị T, sinh năm 1985 tại Bình Thuận; địa chỉ: Thôn G, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Công chức xã M; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Đức V, sinh năm 1950 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1955; chồng: Trần Hữu C, sinh năm 1981; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”: Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Kinh Vũ L1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

- Lê Văn L2, sinh năm 1970; địa chỉ: Bản C, xã L, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- Nguyễn Thị H, sinh năm 1976; địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt

- Nguyễn Thị C1, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- Nguyễn Thị H1 (H2), sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- Hà Văn C2, sinh năm 1977; địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

- Trần Chí T1, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

- Hồ Phước K, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Có mặt.

- Trần Văn T2, sinh năm 1966; địa chỉ: Thôn B, xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận: Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị T được tuyển dụng làm Công chức xã Đ, huyện T với thời gian tập sự 06 tháng, kể từ ngày 01/12/2010 theo Quyết định số 401/QĐ-UBND, ngày 27/01/2011 của Ủy ban nhân dân huyện T về tuyển dụng vào công chức cấp xã và được tuyển dụng làm Công chức tư pháp, hộ tịch chính thức kể từ ngày 01/6/2011 theo quyết định số 3562/QĐ-UBND, ngày 08/8/2011 về công nhận hết thời gian tập sự và tuyển dụng chính thức đối với công chức cấp xã. Từ tháng 01 năm 2020 Vũ Thị T được UBND xã M, huyện T phân công nhiệm vụ làm Công chức tư pháp xã M, phụ trách công tác chứng thực tư pháp theo Thông báo số 01/TB-UBND, ngày 06/01/2020 về việc phân công nhiệm vụ cán bộ công chức UBND xã M và Thông báo số 162/TB-UBND, ngày 26/10/2021 về phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên UBND xã, công chức và những người hoạt động chuyên trách thuộc UBND xã M nhiệm kỳ 2021-2026 với nhiệm vụ chuyên môn thực hiện theo Thông tư 01/2020/TT-BTP, ngày 03/3/2020 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 về cấp bản sao, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch.

Vào ngày 04/12/2020 Vũ Thị T đã không làm đúng nhiệm vụ được giao về chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Từ đó, để Kinh Vũ L1 là cán bộ địa chính của UBND xã M thực hiện hành vi trái pháp luật, nhằm chuyển nhượng sai quy định mảnh đất ruộng có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L966954 được UBND huyện T cấp ngày 31/12/1997 của hộ gia đình ông Lê Văn L2 cho hộ bà Nguyễn Thị C1 là vợ của K1 Vũ Long vào ngày 11/12/2020 gây thiệt hại về tài sản cho gia đình ông Lê Văn L2 với số tiền 337.504.000 đồng. Nội dung sai phạm như sau:

Ngày 04/12/2020 Kinh V là công chức địa chính xã M đưa cho Vũ Thị T hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, bên chuyển nhượng là hộ gia đình ông Lê Văn L2 và bà Nguyễn Thị H; bên nhận chuyển nhượng là hộ bà Nguyễn Thị C1 (bà T biết C1 là Chủ tịch Hội phụ nữ xã M vợ của Kinh Vũ L1). Sau khi đọc xong hợp đồng, Vũ Thị T nói với L1 “Để kiểm tra lại hộ ông Lê Văn L2 tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này trong hộ có bao nhiêu người thì đưa vào hợp đồng hết không được bỏ sót”. L1 nói với T “Đã kiểm tra tại Công an xã rồi, hộ này có hai người này và không có ai nữa”. Nghe L1 nói vậy, T chỉ hỏi lại L1 đã kiểm tra kỹ hay chưa và không trực tiếp kiểm tra lại thành viên trong hộ gia đình ông Lê Văn L2.

Đến 11 giờ cùng ngày, Kinh V sang phòng T nói người nhà trong hộ gia đình ông Lê Văn L2 đã lên UBND xã M. Kinh Vũ L1 nhờ T làm thủ tục chứng thực hợp đồng. Lúc này, T đang chuẩn bị về nên khi nghe L1 nói vậy T không trực tiếp thực hiện việc chứng thực mà giao toàn bộ hồ sơ cho L1 để L1 đưa hợp đồng cho những người có tên trong hợp đồng ký vào hồ sơ. Lúc này, L1 đưa hồ sơ cho Nguyễn Thị C1 ký bên phần nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn phần bên chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì L1 đã ký giả chữ ký của ông Lê Văn L2 và đơn xác nhận thành viên trong gia đình ông Lê Văn L2 do L1 soạn thảo trước đó.

Sau khi hoàn tất hồ sơ, đến 14 giờ cùng ngày Kinh V đem hợp đồng đưa lại cho T, nói với T là L1 đã cho toàn bộ người liên quan ký vào hợp đồng nhờ T chứng thực theo quy định. Do tin tưởng L1 nên T đã chứng thực hồ sơ chuyển nhượng sang tên chủ đất từ hộ ông Lê Văn L2 sang hộ bà Nguyễn Thị C1 và ký vào người tiếp nhận hồ sơ. Khi T làm lời chứng thực xong, T đưa hồ sơ cho L1 đem trình ông Hồ Phước K – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M chứng thực theo quy trình. Kinh Vũ L1 đem toàn bộ hồ sơ trên nộp Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T để làm thủ tục sang nhượng. Sau khi có thông báo các khoản thuế và lệ phí từ Chi nhánh văn phòng Đ, L1 trực tiếp đóng tiền lệ phí trước bạ và tiền thuế thu nhập cá nhân của ông L2 tại Ngân hàng A. Ngày 11/12/2020 Chi nhánh Văn phòng Đ, cập nhật sang tên đối với diện tích 6.368m² cho bà Nguyễn Thị C1.

Tại bản cáo trạng số: 36/CT-VKSND-TL, ngày 14/7/2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đã truy tố bị cáo Vũ Thị T về tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” theo điểm d khoản 1 Điều 360 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh khẳng định bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo Vũ Thị T là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Thị T phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

- Áp dụng điểm d khoản 1; khoản 4 Điều 360 và điểm s, n khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T với mức án tù: 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Cấm Vũ Thị T đảm nhận công việc liên quan đến công tác chứng thực tư pháp trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị cáo Vũ Thị T không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Kinh V, Hà Văn C2, Trần Chí T1 nhưng đều vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn T2 có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Kinh V, Hà Văn C2, Trần Chí T1, Trần Văn T2. Căn cứ vào Điều 292 BLTTHS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị T:

Vào khoảng 11 giờ, ngày 04/12/2020 Kinh V đưa Vũ Thị T là cán bộ tư pháp phụ trách công tác chứng thực một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lúa đối với diện tích 6.368m² giữa hộ gia đình ông Lê Văn L2, bà Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị C1 (vợ của Kinh Vũ L1) yêu cầu T làm thủ tục chứng thực hợp đồng. Thời điểm này Vũ Thị T đang mang thai, sức khỏe không được tốt nên T xin phép về sớm. Do tin tưởng Kinh V nên Vũ Thị T nhờ L1 đưa hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất này cho những người có tên trong hợp đồng ký vào hồ sơ. Đến khoảng 14 giờ Kinh Vũ L1 đưa lại toàn bộ hồ sơ liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lê Văn L2, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C1 cho Vũ Thị T để chứng thực. Sau khi nhận hồ sơ, Vũ Thị T nhiều lần hỏi K2 có chắc chắn những người có tên trong hợp đồng đã ký hay không. Kinh Vũ L1 khẳng định là đúng những người có tên trong hợp đồng đã ký. Vì tin tưởng Kinh Vũ L1 nên Vũ Thị T đã ký chứng thực vào hợp đồng quyền sử dụng đất này. Sau đó, đưa K1 Vũ Long trình ông Hồ Phước K – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M ký chứng thực theo quy định. Kinh Vũ L1 đem toàn bộ hồ sơ nộp Chi nhánh Văn phòng Đ. Đến ngày 11/12/2020 Chi nhánh Văn phòng Đ cập nhật sang tên đối với diện tích 6.368m² cho bà Nguyễn Thị C1.

Tại kết luận định giá tài sản số 18/KL – HĐĐGTS, ngày 08/10/2021 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận diện tích 6.368m² tại thôn A, xã M, huyện T thuộc các thửa đất số 91, 92, 93 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L966954, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/1997 trị giá 337.504.000đ.

Theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-BTP, ngày 03/3/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 23/2015/NĐ-CP, ngày 16/02/2015 về cấp bản gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng giao dịch. Thời điểm ngày 04/12/2020 Vũ Thị T giữ nhiệm vụ là công chức tư pháp xã M, phụ trách công tác chứng thực tư pháp. Theo quy định, khi ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất những người có tên trong hợp đồng phải ký trực tiếp và có sự chứng kiến của Vũ Thị T. Thế nhưng, vào ngày 04/12/2020 Vũ Thị T đã có hành vi giao toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ gia đình ông Lê Văn L2, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C1 đối với các thửa đất số 91, 92, 93 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L966954, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 31/12/1997 cho Kinh Vũ L1 đem về đưa cho những người có tên trong hợp đồng ký mà không có sự chứng kiến của Vũ Thị T. Hành vi của Vũ Thị T đã tạo điều kiện cho K3 chữ ký của bà Nguyễn Thị H, ông Lê Văn L2 để ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vũ Thị T đã thực hiện nhiệm vụ không đúng quy định, thiếu trách nhiệm gây thiệt hại về tài sản cho hộ gia đình ông Lê Văn L2 trị giá 337.504.000đ. Cho nên, Vũ Thị T đã phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm d khoản 1 Điều 360 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Vũ Thị T không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Vũ Thị T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, ngày 04/12/2020 bị cáo Vũ Thị T đang mang thai. Vũ Thị T có cha chồng là Trần Hữu D được huy hiệu 45 năm tuổi đảng. Cho nên, Vũ Thị T được xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1; khoản 2 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét thấy: Bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Có quá trình nhân thân tốt; phạm tội trong trường hợp có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51. Bị cáo Vũ Thị T đang nuôi con nhỏ chưa đủ 36 tháng tuổi. Bị cáo đang là người trực tiếp chăm sóc cha mẹ chồng đang bị bệnh nằm một chỗ. Nguyên nhân xảy ra hành vi phạm tội là do bị cáo tin tưởng Kinh Vũ L1 là đồng nghiệp của bị cáo nên đã xảy ra vi phạm. Bị cáo không có vụ lợi gì liên quan đến hành vi phạm tội. Cho nên, không cần áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mà chỉ cần xử phạt tù, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục cũng đủ cải tạo, giáo dục bị cáo là phù hợp với quy định tại Điều 65 BLHS.

[5] *Về án phí:* Cần buộc bị cáo Vũ Thị T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của K2 đã được Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh đưa ra xét xử theo bản án số: 49/2022/HS-ST, ngày 28/12/2022 nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong bản án này.

Đối với hành vi của ông Hồ Phước K, Hội đồng xét xử xét thấy: Vào ngày 04/12/2020 Kinh Vũ Long trình hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa hộ ông Lê Văn L2, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị C1 để ông Hồ Phước K ký chứng thực. Sau khi kiểm tra hồ sơ thấy đầy đủ theo trình tự thủ tục nên ông K ký chứng thực vào hợp đồng. Ông Hồ Phước K không biết các chữ ký của người có tên trong hồ sơ do Kinh Vũ Long giả chữ ký của ông Lê Văn L2, bà Nguyễn Thị H. Ông K cũng không biết việc bị cáo Vũ Thị T giao toàn bộ hồ sơ chuyển nhượng cho Kinh Vũ L1 đưa cho những người có tên trong hợp đồng ký mà không có sự chứng kiến của Vũ Thị T. Tuy nhiên, theo quy định cán bộ tư pháp phụ trách chứng thực tư pháp là người đem hồ sơ trình ký. Thế nhưng, tại thời điểm ngày 04/12/2020 K2 là cán bộ địa chính xã trình ông Hồ Phước K ký chứng thực. Ông K nhận thức được Kinh V không có thẩm quyền trình ký chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nhưng ông K vẫn ký chứng thực vào hợp đồng. Hành vi của ông K là không đúng quy định. Thế nhưng, hành vi này chưa đến mức phạm tội “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”. Do đó, Hội đồng xét xử không xét đến.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Về tội danh:

Căn cứ vào: Điểm d khoản 1 Điều 360 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Thị T phạm tội: “Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng”.

Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm d khoản 1; khoản 4 Điều 360; các điểm s, n khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Vũ Thị T: 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng. Tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 24/8/2023.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Bình Thuận để giám sát, giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Vũ Thị T không được làm công việc liên quan đến hoạt động công tác chứng thực tư pháp trong thời hạn 02 (hai) năm, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú ngoài phạm vi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì cơ quan thi hành án hình sự Công an

cấp huyện có trách nhiệm làm thủ tục chuyển hồ sơ thi hành án treo cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nơi người được hưởng án treo đến cư trú để tổ chức việc thi hành án theo quy định tại Điều 62 của Luật này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo (Vũ Thị T) cố ý vi phạm hai nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo (Vũ Thị T) phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí:

Căn cứ vào: Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Vũ Thị T phải nộp 200.000đ án phí hình sự, sung công quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (24/8/2023). Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (đã giải thích quyền kháng cáo).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- + Cấp theo Điều 262 BLTTHS:
- Bị cáo;
- NCQNVLQ;
- VKSND huyện;
- CQCSĐT C.A huyện;
- Cơ quan THAHS - Công an huyện;
- Nhà tạm giữ - CA huyện;
- UBND xã Măng Tố (Thay T/B);
- Sở TP T. Bình Thuận;
- C.C T.H.A DS (khi án có HLPL);
- Lưu án văn, HSVA;
- Lưu VP.

Nguyễn Thị Yên